TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2018/DS-PT
Ngày: 12-11-2018
V/v tranh chấp dân sự về yêu cầu trả giá trị quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 196/2018/TLPT- DS ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp dân sự về yêu cầu trả giá trị quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 321/2018/QĐPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp Tân H, xã Tân H, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* cho bà T là ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1944; cư trú tại: Ấp Tân H, xã Tân H, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 14/9/2018) (Có mặt).

2. Bị đơn: Hợp tác xã nông nghiệp T.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Huỳnh Văn Ơ, sinh năm 1960, chức vụ: Giám đốc; cư trú tại: Ấp Tân H, xã Tân H, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963;

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964;

3.3. Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1994.

Cùng cư trú tại: ấp Tân H, xã Tân H, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Ngô Thị T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày: Nguồn gốc phần đất đường nước đang tranh chấp là của gia đình bà, từ năm 1993 đến năm 2011, gia đình bà đã sử dụng để sản xuất lúa, trong thời gian sử dụng cuộc sống gia đình bà được ổn định. Đến năm 2011, Tập đoàn khai mở đường nước để dẫn nước vào đồng ruộng cho bà con nông dân sản xuất, đây là chủ trương chung, ông Huỳnh Văn Ơ làm chủ đầu tư khai thác mở đường nước. Trong đó phần đất của bà đang sử dụng đã trúng vào đường nước do ông Ơ thuê mướn đào đường nước tại thửa số 2000, tờ bản đồ số 3 diện tích 326m^2, trúng vào qui hoạch khoản 50 hộ dân thì ông Ơ đã bồi thường thiệt hại về đất cho các hộ. Riêng phần đất diện tích 326m^2 ông Ơ không bồi thường, từ đó đến nay gia đình bà bị thiệt hại nặng nề do bị mất đất.

Trước đây bà Ngô Thị T yêu cầu ông Huỳnh Văn Ơ bồi thường thiệt hại về đất: Diện tích đất bị thiệt hại 326m^2 x 120.000đ/m^2= 39.120.000đ; bồi thường lợi nhuận bị thiệt hại từ năm 2011 đến năm 2017 là 06 năm, mỗi năm 03 vụ lúa = 18 vụ lúa: 0,7gram/m^2 x 326m^2 = 228kg/1vụ lúa;

228kg x 5.400đ/kg = 1.231.000đ

1.231.000đ/vụ x 18 vụ = 22.158.000đ.

Tổng cộng 02 khoản thiệt hại là: 61.278.000đ (39.120.000đ + 22.158.000đ).

Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ thì phần đất tranh chấp có diện tích thực tế tổng cộng là 285m^2 thuộc một phần thửa số 2000, tờ bản đồ số 3 và xác định lại tư cách người bị kiện. Cho nên bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn là Hợp tác xã nông nghiệp T do ông Huỳnh Văn Ơ làm đại diện trả giá trị diện tích đất bị thiệt hại 285m^2 x 120.000đ/m^2 = 34.200.000đ;

Bồi thường lợi nhuận bị thiệt hại từ năm 2011 đến năm 2017 là 06 năm, mỗi năm 03 vụ lúa = 18 vụ lúa:

0,7gram/m^2 x 285m^2 = 199,5kg/1vụ lúa;

199,5kg x 18 vụ = 3.591kg

3.591kg x 5.400đ/kg = 19.391.400đ.

Bồi thường lợi nhuận bị thiệt hại bổ sung từ năm 2017-2018 là 03 vụ lúa: 0,7gram/m^2 x 285m^2 = 199,9kg/1 vụ lúa x 6000đ/kg x 3 vụ = 3.591.000đ

Tổng cộng 03 khoản thiệt hại là: 57.182.400đ (34.200.000đ + 19.391.400đ + 3.591.000đ).

Bà T cam kết chỉ khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp T trả giá trị quyền sử dụng đất và bồi thường lợi nhuận trên đất chứ bà không có tranh chấp đất với Hợp tác xã vì đất là của bà.

- Bị đơn Hợp tác xã nông nghiệp T do ông Huỳnh Văn Ơ đại diện trình bày. Năm 1981 Ủy ban nhân dân xã, tập đoàn và bà con nông dân trong khu vực thống nhất đào đường nước này để phục vụ tưới tiêu cho sản xuất lúa. Đến năm 2011 Nhà nước có chủ trương khép kính đê bao làm 03 vụ và thống nhất cho ông thành lập Tổ hợp tác để phục vụ bơm nước tưới tiêu cho cả diện tích sản xuất khu 3 xã Tân H. Hiện trạng đường nước cũ trong khu để nguyên đưa vào phục vụ, còn đường nước phát sinh mới tự thỏa thuận với chủ đất để đào phục vụ. Trong khu 3 sau khi thành lập Tổ hợp tác có nhiều đường nước cũ như đường nước mà bà T đang tranh chấp, Tập đoàn và bà con quản lý khai thác trước đây cũng giữ nguyên hiện trạng giao đất cho Hợp tác xã khai thác đến nay không ai tranh chấp. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp T bồi thường thiệt hại cho bà tổng cộng 03 khoản là: 57.182.400đ (34.200.000đ + 19.391.400đ + 3.591.000đ) thì ông không thống nhất.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng bản khai thể hiện ý kiến như sau: Bà chỉ cố đất của bà T sử dụng chứ bà chưa có làm hợp đồng chuyển nhượng đất với bà T. Phần đường nước tranh chấp với Hợp tác xã không phải đất của bà, nên việc này do bà T tự quyết định, khi nào Tòa án giải quyết xong thì bà và bà T tự giải quyết. Trong vụ án này bà không có ý kiến, không tranh chấp với bà T hay với Hợp tác xã, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

+ Ông Nguyễn Văn S vắng mặt nhưng bản khai thể hiện ý kiến như sau: Ông thống nhất theo trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị H, ông không có ý kiến bổ sung.

+ Chị Nguyễn Thị Kim H vắng mặt nhưng bản khai thể hiện ý kiến như sau: Chị thống nhất theo trình bày của cha mẹ chị là bà Nguyễn Thị H và ông S, chị không có ý kiến bổ sung.

Tại bản án số 25/2018/DSST ngày 15/8/2018 của Tòa án thị xã H tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T về việc yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp T do ông Huỳnh Văn Ơ làm đại diện trả giá trị quyền sử dụng đất và bồi thường lợi nhuận trên đất tổng cộng là: 34.200.000đ + 19.391.400đ + 3.591.000đ = 57.182.400đ (Năm mươi bảy triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm đồng).

- Hợp tác xã nông nghiệp T được tiếp tục khai thác, sử dụng đường nước diện tích 285m^2 thuộc một phần thửa số 2000, tờ bản đồ số 3 để phục vụ tưới tiêu cho người dân.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí:

+ Buộc bà Ngô Thị T phải chịu 2.859.120đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.532.000đ theo biên lai số 14158 ngày 20/11/2017 và 300.000đ theo biên lai số 02618 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành

án dân sự thị xã H. Bà Ngô Thị T còn phải nộp thêm số tiền 1.027.120đ (Một triệu, không trăm hai mươi bảy ngàn, một trăm hai mươi đồng).

+ Hợp tác xã nông nghiệp T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền là 2.645.000đ, bà Ngô Thị T phải chịu (bà T đã nộp và đã chi xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/8/2018 bà Ngô Thị T có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm xử, bà yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp T trả giá trị quyền sử dụng đất và bồi thường lợi nhuận trên đất tổng cộng số tiền là: 57.182.400đ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông M là người đại diện theo ủy quyền cho bà T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện của bà T yêu cầu Hợp tác xã Nông nghiệp T do ông Huỳnh Văn Ơ làm đại diện bồi thường thiệt hại các khoản như sau:

- Yêu cầu trả giá trị diện tích đất 285m^2 x 120.000đ/m^2 = 34.200.000đ; Bồi thường lợi nhuận bị thiệt hại từ năm 2011 đến năm 2017 là 06 năm, mỗi năm 03 vụ lúa = 18 vụ lúa: 0,7gram/m^2 x 285m^2 = 199,5kg/1vụ lúa; 199,5kg x 18 vụ = 3.591kg x 5.400đ/kg = 19.391.400đ; Bồi thường lợi nhuận bị thiệt hại bổ sung từ năm 2017, 2018 là 03 vụ lúa: 0,7gram/m^2 x 285m^2 = 199,9kg/l vụ lúa x 6000đ/kg x 3vụ = 3.591.000đ.

Tổng cộng 03 khoản thiệt hại là: 57.182.400đ (34.200.000đ + 19.391.400đ + 3.591.000đ).

[2] Sau khi án sơ thẩm xử, bà T có đơn kháng cáo yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp T trả giá trị quyền sử dụng đất và bồi thường lợi nhuận trên đất tổng cộng số tiền là: 57.182.400đ. Xét yêu cầu kháng cáo của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất đường nước mà bà T tranh chấp với Hợp tác xã nông nghiệp T là của ông S (cha bà T). Năm 1981 Ủy ban xã Tân H, Tập đoàn và bà con nông dân trong khu vực đều thống nhất để tập đoàn đào đường nước này nhằm phục vụ tưới tiêu cho sản xuất lúa,

vì các phần đất có đường nước đi qua bà con nông dân đang sản xuất là lúa sạ, phần đất ông Ngô Văn S cũng nằm trong diện phải đào đường nước để phục vụ tưới tiêu chung cho toàn khu vực, lúc đó ông S cũng đồng ý và ông cũng đã sử dụng đường nước này. Đến năm 2011 chuyển sang hình thức Tổ hợp tác không còn tập đoàn, Tổ hợp tác vẫn tiếp tục khai thác đường nước này. Từ khi tập đoàn đào đường nước này cho đến nay không có người dân nào trong khu vực có đường nước đi qua yêu cầu Tổ hợp tác phải trả giá trị đất lại cho họ, kể cả ông S và bà T, vì đường nước này vào năm 1981 khi có chủ trương của Nhà nước, Tập đoàn đã đứng ra đào và phục vụ tưới tiêu cho các hộ dân tính đến nay đã trên 30 năm.

Sau khi Tổ hợp tác chuyển đổi thành Hợp tác xã nông nghiệp T do nhu cầu mở rộng thêm diện tích bơm nước cho cả khu 3 ấp Tân H theo đê bao khép kín, Ủy ban xã cùng với Hợp tác xã tiến hành họp dân đi đến thống nhất tiếp tục khai thác, sử dụng toàn bộ đường nước cũ để phục vụ cho người dân và mở rộng đào thêm đường nước mới, nên những diện tích đất đào đường nước mới thì Hợp tác xã phải tự thỏa thuận với người dân theo giá hai bên thỏa thuận (trả giá trị). Thực hiện chủ trương trên, Hợp tác xã tiến hành tiếp xúc với những hộ dân có phần đất đào đường nước mới đi qua để bàn bạc thỏa thuận trả giá trị đất với giá 120.000đ/lm^2 và được người dân đồng ý. Từ chủ trương này bà T cho rằng Hợp tác xã có trả giá trị đất cho những hộ dân có đất làm đường nước mới, nên phát sinh tranh chấp yêu cầu Hợp tác xã phải bồi thường giá trị đất và hoa lợi từ năm 2011 đến năm 2018 cho bà.

[3] Theo văn bản số 576/UBND-HC ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thị xã H xác nhận:

- Đường nước bà T khiếu nại được Tập đoàn đào vào khoảng năm 1980, 1981 thời lúa sạ, có chủ trương của Ủy ban xã thời đó, nhưng không có hồ sơ lưu trữ.

Đến năm 2011, Ủy ban xã Tân H có chủ trương nạo vét đường nước cũ và đào thêm đường nước mới để phục vụ sản xuất lúa 03 vụ/năm trong đê bao cho các hộ dân. Ông Ơ đại diện Hợp tác xã đã thỏa thuận mua lại đất để đào đường nước mới là 22 hộ với giá 120.000đ/m^2. Riêng tại vị trí đất của bà T và 08 hộ theo hiện trạng thực tế đã có đường nước cũ từ trước, nên ông Ơ không thương lượng mua lại hay bồi thường.

- Phần đường nước cũ nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Văn S được cấp vào năm 1992. Đến năm 2011, bà T lập thủ tục thừa kế được cấp lại giấy do bà đứng tên.

- Khu vực đất bà T khiếu nại từ năm 2011 đến nay sản xuất lúa 03 vụ/năm. Mỗi vụ lúa trung bình một công đất (l.000m^2) khoảng 500-600kg lúa".

Theo nội dung của Ủy ban xã Tân H lấy ý kiến đối với những hộ dân có đất sản xuất trên đường nước cũ đào vào năm 1981 đi qua hiện bà T đang khiếu nại, các hộ dân đều thống nhất yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đường nước để Hợp tác xã phục vụ tưới tiêu cung cấp nước sản xuất, vì đường nước này đã có từ lâu đời.

Qua xác nhận của những hộ như bà Hà Thanh H, ông Nguyễn Tiến D, ông Nguyễn Văn L xác nhận cho bà T nội dung là Hợp tác xã có trả giá trị đất cho họ với giá 120.000đ/m^2 là thật, việc trả giá trị đất để Hợp tác xã đào đường nước mới, chứ không phải đất của họ thuộc đường nước cũ, vì đất của những hộ này từ trước tới giờ chưa có đường nước nào đi qua và đất của những hộ này cách xa đường nước bà T đang yêu cầu hơn 2000m.

Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị T về việc yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp T do ông Huỳnh Văn Ơ làm đại diện trả giá trị quyền sử dụng đất và bồi thường lợi nhuận trên đất tổng cộng 57.182.400đ là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án thị xã H. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 170; Điều 252; Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100; Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Ngô Thị T.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã H.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T về việc yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp T do ông Huỳnh Văn Ơ làm đại diện trả giá trị quyền sử dụng đất và bồi thường lợi nhuận trên đất tổng cộng là: 57.182.400đ (34.200.000đ + 19.391.400đ + 3.591.000đ) (Năm mươi bảy triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm đồng).

- Hợp tác xã nông nghiệp T được tiếp tục khai thác, sử dụng đường nước diện tích 285m^2 thuộc một phần thửa số 2000, tờ bản đồ số 3 để phục vụ tưới tiêu cho người dân.

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí:

+ Buộc bà Ngô Thị T phải chịu 2.859.120đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.532.000đ theo biên lai số 14158 ngày 20/11/2017 và 300.000đ theo biên lai số 02618 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành

án dân sự thị xã H. Bà Ngô Thị T còn phải nộp thêm số tiền 1.027.120đ (Một triệu, không trăm hai mươi bảy ngàn, một trăm hai mươi đồng).

+ Hợp tác xã T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền là 2.645.000đ, bà Ngô Thị T phải chịu (bà T đã nộp và đã chi xong).

5. Án phí phúc thẩm:

- Bà Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0005212 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H (bà T đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự TX H;
- TAND TX H;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đã ký

Trần Phước Hội